

# HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI QUA CÁC THỜI KỲ

✍ TS. TRẦN THỊ BÍCH HẰNG\*

Những năm qua, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đào tạo cán bộ, trí thức cả nước nói chung và nguồn nhân lực dân tộc ít người nói riêng là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta; vì thế đã có nhiều chính sách ưu tiên, tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ, trí thức là người dân tộc ít người. Nhờ thực hiện hệ thống chính sách dân tộc, hàng năm có trên 80.000 học sinh là con em các dân tộc ít người được học tập trung ở các trường phổ thông dân tộc nội trú; hàng vạn em học sinh trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn được tạo các điều kiện đến trường học lớp bán trú; hàng ngàn học sinh được cử tuyển đi học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp cả nước,... Nếu như trước năm 1945, tình trạng mù chữ, mù tiếng phổ thông còn phổ biến trong vùng dân tộc ít người, số người được đi học có thể đếm được “trên đầu ngón tay”, thì nay chúng ta đã có đội ngũ cán bộ, trí thức người dân tộc ít người khá đông đảo. Theo số liệu của dự án “Điều tra, đánh giá thực trạng đội ngũ trí thức người dân tộc ít người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa”<sup>2</sup> đội ngũ trí thức người dân tộc ít người nước ta có 642 người có trình độ trên đại học, hơn 131.000 người có trình độ đại học, cao đẳng và 78.000 người có trình độ trung học chuyên nghiệp. Trong đó có 5 dân tộc ít người có số lượng trí thức đông nhất là các dân tộc Tày, Hoa, Mường, Nùng, Thái.

Tuy nhiên, theo số liệu thống kê hiện vẫn còn nhiều dân tộc ít người chưa có người được đào tạo trở thành trí thức: 7 dân tộc không có người đạt trình độ cao đẳng, đó là các dân tộc: La Hủ, Mảng, Cơ Lao, Pu Péo, Brâu, Ô Đu, Rơ Măm; 3 dân tộc không có người đạt trình độ cao đẳng và đại học (dân tộc Mảng, Brâu, Rơ Măm); 5 dân tộc chỉ có 1 người đạt trình độ đại học (dân tộc Xinh Mun, La Hủ, Cống, Pu Péo, Ô Đu); 32 dân tộc không có người đạt trình độ trên đại học<sup>2</sup>.

Cơ cấu của đội ngũ trí thức người dân tộc ít người chưa cân đối: đội ngũ trí thức dân tộc ít người làm việc trong lĩnh vực giáo dục, y tế chiếm tỷ lệ 72%,

đội ngũ trí thức dân tộc ít người làm việc trong các tổ chức Đảng, đoàn thể và hành chính sự nghiệp chiếm tỷ lệ 17%, tỷ lệ trí thức làm trong các ngành khoa học - kỹ thuật và ngành nông, lâm nghiệp chỉ chiếm 11%. Các chuyên ngành khoa học tự nhiên và công nghệ mới như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, xây dựng, giao thông, môi trường, cơ khí, hóa chất, tài chính, ngân hàng,... có rất ít hoặc hầu như không có trí thức là người dân tộc ít người.

Thực tế đang đòi hỏi cần đánh giá một cách khách quan chính sách giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, để có những chiến lược, chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nói chung và vùng dân tộc nói riêng. Xu hướng phát triển hiện nay và trong thời gian tới, một bộ phận dân cư khá lớn (trong đó có lực lượng lao động dân tộc ít người) sẽ di chuyển từ nông thôn ra thành thị, về các khu đô thị, khu công nghiệp và từ miền núi về miền xuôi hoặc từ vùng cao xuống vùng thấp để tìm kiếm việc làm. Một bộ phận lớn lao động chuyển từ làm nông nghiệp sang làm các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch,... Để đồng bào các dân tộc hội nhập thành công, được hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình chuyển dịch dân cư, lao động, đòi hỏi người lao động phải có trình độ chuyên môn, nghề nghiệp cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp, phù hợp với nền sản xuất công nghiệp.

Vậy, 70 năm qua hệ thống chính sách giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực các dân tộc ít người như thế nào để có thể góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc ít người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## 1. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)

Sau khi giành được độc lập dân tộc - khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nước ta bước vào thời kỳ kháng chiến khó khăn, nhưng để có đội ngũ cán bộ có kiến thức văn hóa, có chuyên môn, Đảng ta đã chú trọng mở trường học ở vùng dân tộc. Từ ngày 3/4 đến 6/4/1947, Đảng ta đã tổ chức

\* Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh<sup>1</sup>

Hội nghị Cán bộ Trung ương. Hội nghị đã bàn và ra Nghị quyết chỉ đạo công tác giáo dục, đào tạo ở vùng dân tộc. Đây là Nghị quyết đầu tiên của Đảng ta đề cập đến vấn đề giáo dục ở vùng dân tộc. Nghị quyết nêu rõ cần: “Chú ý mở trường ở các vùng quốc dân ít người”.

Năm 1948, trong Nghị quyết Hội nghị Cán bộ Trung ương lần thứ IV, Đảng ta đã xác định rõ các nhiệm vụ về giáo dục - đào tạo ở miền núi như: Mở thêm trường tiểu học; đặt chữ La-tinh cho đồng bào ít người; phát triển bình dân học vụ; đào tạo cán bộ bình dân học vụ người địa phương; cung cấp học bổng cho một số học sinh người ít người. Trước bối cảnh đa số đồng bào các dân tộc ít người mù chữ, thất học, chính sách trên đây đã tạo ra cơ hội, mở ra thời kỳ mới nâng cao trình độ giáo dục, dân trí cho đồng bào các dân tộc trong những vùng cách mạng, nhiều địa phương đã mở trường đào tạo cán bộ dân tộc ít người, hình thành đội ngũ cán bộ phục vụ công cuộc kháng chiến. Trên cơ sở các mô hình đào tạo cán bộ thành công, từ ngày 15/1 đến ngày 17/1/1948, Ban Chấp hành Trung ương đã họp và nêu ý kiến chỉ đạo trong Nghị quyết Hội nghị là: “Đặc biệt chú ý mở trường đào tạo cán bộ ít người riêng như Khu V, Khu XIV đã làm”.

Tiếp tục khẳng định những chính sách trên, trong Luận cương cách mạng Việt Nam trình Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ II của Đảng (ngày 11/2/1951), đã nêu rõ: Phát triển bình dân học vụ và phát triển văn nghệ dân tộc ở các vùng ít người, phổ biến việc La-tinh hoá tiếng nói của các dân tộc chưa có chữ và bảo đảm việc dạy học bằng các thứ tiếng đó trong các trường của dân tộc ít người (nhất là ở các lớp dưới). Về vấn đề dạy chữ dân tộc, Văn kiện Đại hội nêu chủ trương khá rõ: “Dân tộc ít người nào có sẵn chữ viết rồi thì dùng chữ viết ấy mà dạy trong các trường của họ ở các lớp dưới (cấp 1 trường phổ thông). Đối với dân tộc không có chữ riêng thì dùng chữ quốc ngữ, phiên âm tiếng địa phương để dạy họ. Nhưng bất cứ ở cấp 1 trường phổ thông, lớp bình dân học vụ hay lớp bổ túc bình dân, cũng cần dạy kèm tiếng phổ thông và chữ quốc ngữ”.

Trong Nghị quyết của Bộ Chính trị (8/1952) về chính sách dân tộc ít người đã nêu rõ các chủ trương, chính sách, giải pháp về đào tạo, sử dụng, bố trí cán bộ là người dân tộc ít người khá toàn diện và sâu sắc. Nghị quyết của Bộ Chính trị nêu rõ sự cần thiết của công tác đào tạo, tạo nguồn và sử dụng cán bộ dân tộc ít người: Muốn hiểu rõ tình hình và vận động được quần chúng, nhân dân địa phương, đồng thời làm cho phong trào địa phương do người địa phương tự đảm nhiệm, thì cần gấp rút đào tạo cán bộ địa

phương. Có cán bộ địa phương làm việc sẽ làm cho nhân dân nơi đó không nghi ngờ, hoặc hiểu nhầm là bị người Kinh đến “cai trị”... Nghị quyết cũng chỉ đạo về phương pháp đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc ít người phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến lúc đó là: “Muốn có cán bộ dân tộc ít người, thì mỗi cán bộ nơi khác đến phải kèm một hay hai cán bộ địa phương, để dìu dắt họ ngay trong công tác thực tế”. Về nguồn đào tạo cán bộ dân tộc ít người Nghị quyết của Bộ Chính trị xác định là: Lựa chọn một số thanh niên nam nữ tích cực công tác, mở lớp huấn luyện, đào tạo họ thành cán bộ” hoặc “lựa chọn một số người có thành tích cho vào học các trường riêng của người miền núi”. Về nội dung đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc, Nghị quyết cũng chỉ rõ: “Nên dạy họ học cả văn hoá và chính trị, để rồi đây họ trở thành cán bộ cốt cán ở địa phương miền núi”. Về sử dụng đội ngũ cán bộ dân tộc ít người, Nghị quyết cũng đã nêu ra chính sách sử dụng cán bộ dân tộc ít người theo hướng: “Trong tổ chức quần chúng hoặc chính quyền, nên để họ (cán bộ dân tộc ít người) làm chánh, mình làm phó hoặc nếu cần thì mình làm chánh, họ làm phó, song dù ở chức vụ gì chẳng nữa, cán bộ nơi khác đến cũng chỉ nên làm nhiệm vụ giúp đỡ cán bộ địa phương chứ không nên bao biện, làm một mình”. Cuối cùng Nghị quyết khẳng định rõ rằng: “Nếu không làm được như vậy, thì không thể thực hiện được đầy đủ sự lãnh đạo của Đảng đối với các dân tộc ít người”. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, sử dụng cán bộ là người dân tộc ít người được Đảng và Bác Hồ quan tâm đặc biệt và có những kế hoạch thực hiện từ rất sớm.

Qua nghiên cứu các chính sách dân tộc thời kỳ này cho thấy Đảng và Nhà nước ta quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo, tạo nguồn và sử dụng cán bộ là người dân tộc ít người. Những chính sách này đã thể hiện những nội dung cơ bản, toàn diện, sâu sắc, đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

## **2. Thời kỳ đất nước bị chia cắt làm 2 miền Nam - Bắc (1955-1975)**

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, năm 1954, nước ta đã thoát khỏi ách đô hộ của Thực dân Pháp. Từ đây đất nước chia làm 2 miền: miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, chuyển sang xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam tiếp tục chiến đấu chống lại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Giai đoạn này, đời sống đồng bào dân tộc ít người ở vùng cao có nhiều khó khăn, mặc dù Đảng và Chính phủ đã cố gắng cải thiện đời sống, nhưng ở vùng miền núi, rẻo cao, vùng dân tộc ít người còn nhiều vấn đề như: Sản xuất ở trình độ thấp, phụ thuộc vào thiên nhiên, thu

nhập thấp; đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân còn nhiều thiếu thốn; trật tự trị an chưa thật ổn định; chính quyền cơ sở ở vùng cao còn quá yếu. Vì thế Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách cụ thể đối với vùng dân tộc ít người. Trong đó có nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực các dân tộc ít người trên các lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo và sử dụng cán bộ.

Thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về công tác cán bộ dân tộc, ngày 22/01/1957, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về công tác dân tộc, nêu những nhiệm vụ cụ thể như: “Tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc về các mặt chính trị, văn hoá, chuyên môn và kỹ thuật; thực hiện thực chức, thực quyền cho cán bộ dân tộc; dần dần thực hiện dân tộc hoá các cơ quan”. Ngày 6-3-1959, trong Nghị định số 102/TTg, Chính phủ đã ban hành các chính sách cụ thể như thành lập Trường Cán bộ dân tộc, thuộc Ủy ban Dân tộc. Trường có trách nhiệm giáo dục, bồi dưỡng chính trị và chính sách dân tộc cho cán bộ từ cấp huyện trở lên hoạt động ở các vùng dân tộc ít người. Thời kỳ này công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc ít người được chú trọng và tăng cường hơn các thời kỳ trước đây. Những thành quả đạt được là rất đáng trân trọng. Công tác đào tạo cán bộ dân tộc của Trường Cán bộ dân tộc thời kỳ này (cơ sở vật chất khang trang, số học viên đông, tạo nguồn cán bộ có chất lượng cho địa phương) hơn hẳn mọi mặt so với trường Cán bộ Dân tộc hiện nay.

Để phát triển kinh tế, xây dựng xã hội mới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách dân tộc quan trọng liên quan đến công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc ít người. Trong văn kiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (tháng 11/1958) Ban chấp hành Trung ương chỉ rõ: “Phải hết sức chú trọng đào tạo cán bộ địa phương”. Những chuyên ngành được Trung ương chỉ đạo tập trung đào tạo ngay, để phục vụ xây dựng kinh tế và xã hội mới là: “cán bộ các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, y tế, giáo dục, địa chất”. Ban Chấp hành Trung ương cũng chỉ đạo việc đào tạo phải cân đối, hài hòa giữa trí thức và công nhân, thợ lành nghề: “mở rộng đội ngũ trí thức và công nhân của các dân tộc, đào tạo thợ các ngành rèn, mộc, xây dựng,... để phục vụ phát triển kinh tế và văn hoá”.

Để tiếp tục xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế, công tác giáo dục được Đảng đặc biệt coi trọng, nhằm nhanh chóng xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ giáo dục cho đồng bào các dân tộc ít người. Trong Nghị quyết số 71/NQ-TW ngày 22-2-1963 của Bộ Chính trị về vấn đề phát triển nông nghiệp ở miền

núi, Đảng ta đã nhận định và chỉ rõ: “Trình độ văn hoá còn thấp của miền núi hiện nay là một trong những trở ngại quan trọng cho việc phát triển sản xuất, củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp...”.

Nhằm tăng cường hơn nữa công tác giáo dục, nâng cao trình độ dân trí của đồng bào các dân tộc ít người, ngày 24/1/1964, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 73/CT-TW về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyên giáo đối với các dân tộc ít người ở miền núi. Trong Chỉ thị của Ban Bí thư đã yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương cần: “Phát triển sự nghiệp giáo dục, phổ biến những hiểu biết khoa học” với những nhiệm vụ cần làm trong lĩnh vực giáo dục là: “cần nhanh chóng thanh toán nạn mù chữ và đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hoá, phổ biến chữ dân tộc,...”.

Tiếp theo, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 128-CT/TU về việc đẩy mạnh hơn nữa việc thi hành chủ trương tăng cường công tác vùng cao, yêu cầu các địa phương: “Ra sức bồi dưỡng và đào tạo cán bộ dân tộc địa phương, chấp hành đầy đủ các chính sách với cán bộ hoạt động ở vùng cao”; Chỉ thị số 73/CT-TW ngày 24 -1-1964 của Ban Bí thư về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyên giáo đối với các dân tộc ít người ở miền núi, yêu cầu các địa phương phải “đẩy mạnh công tác tuyên truyền phát triển Đảng, giáo dục Đảng viên, Đoàn viên, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc”. Trước ngày khai giảng năm học mới, ngày 3/9/1964, để đẩy mạnh hơn công tác giáo dục vùng dân tộc, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 84-CT/TW về nhiệm vụ công tác giáo dục ở miền núi trong hai năm học 1964-1965 và 1965 - 1966. Trong Chỉ thị này, Ban Bí thư chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương cần thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng như: Xúc tiến việc hoàn thành xóa nạn mù chữ và đẩy mạnh công tác bổ túc văn hoá cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên và thanh niên các dân tộc; đẩy mạnh giáo dục thế hệ trẻ, cải tiến nội dung và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông nhằm chuẩn bị cho học sinh vừa có thể học lên, vừa thiết thực góp phần đẩy mạnh sản xuất và xây dựng đời sống ở miền núi; tiếp tục nghiên cứu và mở rộng việc dạy chữ dân tộc trong trường học, đồng thời sử dụng rộng rãi chữ dân tộc trong đời sống hàng ngày.

Trong thời kỳ này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ, giáo viên, học sinh là người dân tộc ít người như: Nghị quyết số 109/CP ngày 19/6/1973 về một số chính sách cụ thể đối với đồng bào các dân tộc vùng cao qui định: “Ở các trường sư phạm và dự bị sư

phạm có nội trú ở vùng cao, giáo viên được hưởng phụ cấp 5% lương mỗi tháng về trách nhiệm quản lý. Giáo viên dạy kiêm lớp nói chung đều được hưởng thêm phụ cấp theo số lớp phải dạy kiêm"... Quyết định số 214-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 26/11/1975 về việc mở trường dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, áp dụng các chính sách, chế độ đối với học sinh người dân tộc ít người. Chỉ thị số 216-CT/TW ngày 30/1/1975 của Ban Bí thư về chính sách cán bộ miền núi, chỉ đạo thực hiện các chính sách: "xây dựng đội ngũ cán bộ miền núi; sắp xếp, kiện toàn cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; sửa đổi và bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ miền núi...".

### **3. Thời kỳ thống nhất đất nước, xây dựng xã hội mới theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, bao cấp (1976-1986)**

Sau chiến tranh, đất nước ta bị tàn phá nặng nề. Cả nước bước vào giai đoạn phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc trưng của thời kỳ này là xây dựng nền kinh tế theo mô hình kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp. Chính sách dân tộc và công tác dân tộc còn nhiều hạn chế; đời sống đồng bào các dân tộc còn nhiều khó khăn, số lượng, chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc ít người chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội mới. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải sớm có những chủ trương, chính sách và nhiều biện pháp tích cực để chăm sóc sức khỏe, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của đồng bào các dân tộc ít người.

Trong Thông báo số 13-TB/TW ngày 03/6/1976, Văn phòng Trung ương thông báo một số ý kiến của Ban Bí thư về công tác dân tộc, trong đó nêu rõ: "Cần có kế hoạch nâng cao trình độ văn hoá, trình độ khoa học kỹ thuật của đồng bào miền núi, phát triển sự nghiệp giáo dục, các hình thức trường học thích hợp với miền núi".

Trong Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (14/12/1976), đã nêu rõ chủ trương: "Ra sức củng cố các tổ chức cơ sở và đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc". Đáng chú ý, trong thời kỳ này, Nhà nước ta đã có chủ trương về xây dựng, bảo tồn, giảng dạy và sử dụng chữ viết các dân tộc ít người thể hiện trong Quyết định số 53-CP ngày 22/2/1980 của Hội đồng Chính phủ về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc ít người. Tiếp theo, Chỉ thị số 121-CT ngày 12/5/1982 Về công tác đối với đồng bào Chăm và Chỉ thị số 122-CT ngày 12/5/1982 Về công tác đối với đồng bào Khơme. Đảng và Nhà nước cũng có những chính sách cụ thể đẩy mạnh công tác giáo dục và đào tạo ở vùng Tây Nguyên, vùng dân tộc

Chăm và Khơ-mer. Các chính sách trên đã được thể hiện trong Chỉ thị số 40-HĐBT ngày 4/5/1983 của Hội đồng Bộ trưởng Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển kinh tế, xã hội ở các tỉnh Tây Nguyên;

Thực hiện chủ trương của Đảng về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc ít người, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa như: Chỉ thị số 2-CT ngày 02/01/1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quy định chế độ đào tạo cán bộ dân tộc ít người ở các xã, huyện biên giới Việt - Trung.

### **4. Thời kỳ thực hiện đường lối Đổi mới (từ 1986 đến nay)**

Sau hơn 10 năm xây dựng đất nước, với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, lại bị cấm vận, làm cho đất nước ta gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, cuối những năm 80, thế kỷ XX, hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đứng trước muôn vàn khó khăn, Đảng ta đã đề ra đường lối "Đổi mới" trên tất cả các lĩnh vực, các vùng, miền,... Nhờ đường lối Đổi mới của Đảng, đất nước ta đã dần thoát ra khỏi khủng hoảng, hội nhập và phát triển. Trong bối cảnh đó, hệ thống chính sách giáo dục, đào tạo dân tộc ít người cũng được đổi mới cả về số lượng và chất lượng. Các chính sách dân tộc nói chung và chính sách phát triển nguồn nhân lực các dân tộc ít người nói riêng có nhiều điểm mới: Trước hết là công tác kế hoạch hóa chuyển từ mệnh lệnh, tập trung bao cấp, thay bằng các chương trình, dự án cho những đối tượng cụ thể, với mục tiêu, nội dung và được đầu tư số kinh phí đảm bảo; các chính sách, chế độ phân phối, bao cấp được xóa bỏ, thay vào đó là các cơ chế hỗ trợ, chính sách tạo động lực và khuyến khích phát triển, theo định hướng kinh tế thị trường; vai trò Nhà nước chủ yếu là ban hành chính sách, qui hoạch, kế hoạch dài hạn, tạo môi trường phát triển và kiểm tra, đánh giá, giám sát; thực hiện cơ chế quản lý phân cấp, trao quyền nhiều hơn cho địa phương và cộng đồng, thực hiện cải cách hành chính,...

Trong giai đoạn này, chính sách giáo dục dân tộc cũng được đổi mới và tăng cường. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi nêu những chính sách lớn như sau: (i) Tổ chức lại hệ thống trường phổ thông cơ sở, trước hết là ở những xã vùng cao, kể cả những lớp dân lập ở thôn, bản hoặc liên gia đình,... (ii) Xem xét lại hệ thống giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội,... (iii) Đổi mới chính sách giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và chế độ đãi ngộ cán bộ miền núi. (iv) Tăng thêm vốn đầu tư cho việc

xây dựng các trường, lớp đào tạo giáo viên phổ thông, bảo đảm đủ giáo viên và chỗ học cho con em các dân tộc. (v) Mở rộng chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cán bộ quản lý và các kỹ thuật viên phù hợp với cơ cấu sản xuất và tập quán từng vùng,..."

Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách cụ thể hóa các chủ trương, chính sách lớn của Đảng như: Quyết định số 72/HĐBT ngày 13/3/1990 của HĐBT về một số chủ trương, chính sách cụ thể triển kinh tế - xã hội miền núi; Quyết định số 253-CT ngày 7/7/1990 của Chủ tịch HĐBT về bổ sung quỹ học bổng cho học sinh, sinh viên các trường sư phạm và học sinh, sinh viên miền núi;...

Các chủ trương, chính sách lớn của Đảng về giáo dục dân tộc đã được thể hiện và khẳng định trong các văn bản Luật như: Luật phổ cập giáo dục tiểu học, được Quốc hội thông qua ngày 30/6/1991; Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 1992; Luật Giáo dục đã được Quốc hội thông qua ngày 02/12/1998,...

Đảng và Chính phủ cũng ban hành các chính sách giáo dục cụ thể đối với các dân tộc Chăm và Khơ-me: (i) Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me: "Đi đôi với củng cố và phát triển các ngành học phổ thông, mẫu giáo, bổ túc văn hoá, cần củng cố và phát triển các loại trường phổ thông dân tộc nội trú, trường thanh niên dân tộc ở các huyện, tỉnh có đông đồng bào Khơ-me; học sinh Khơ-me được miễn học phí ở các cấp học; nghiên cứu cấp học bổng cho những học sinh thuộc diện chính sách và học giỏi ở tất cả các cấp học, ngành học. Có kế hoạch xoá nạn mù chữ và mù chữ trở lại;... (ii) Thông tri số 03-TT/TW ngày 17/10/1991 của Ban Bí thư về công tác đối với đồng bào Chăm: "Tiếp tục thực hiện dạy chữ Chăm cổ, tái bản bộ sách giáo khoa chữ Chăm, đáp ứng nguyện vọng đồng bào Chăm ở An Giang; Đi đôi với củng cố và phát triển các ngành học phổ thông, mẫu giáo, bổ túc văn hoá, cần nghiên cứu tổ chức các loại trường phổ thông dân tộc nội trú; Nhà nước xét miễn phí cho học sinh Chăm ở các cấp học;..."

Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về giáo dục như: Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Quyết định số 159/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ kiên cố hoá trường, lớp học; Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 6/10/2005 của

Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục trường THCS, THPT, các trung tâm kinh tế tổng hợp hướng nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, dạy nghề ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc ít người tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học; Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quyết định số 67/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc ít người nội trú áp dụng rộng rãi trong cả nước; Quyết định số 28/2885/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình dạy tiếng Khơ-me ở trường tiểu học và trung học cơ sở; Quyết định số 5328/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/9/2005 của Bộ GD &ĐT về chương trình dạy tiếng Pali trung cấp cho trường bổ túc văn hoá Pali trung cấp Nam bộ; Quyết định số 5327/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/9/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình dạy ngữ văn Khmer trung học thực hiện tại trường bổ túc văn hoá Pali trung cấp Nam bộ; Quyết định số 09/2005/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển chọn tổ chức đào tạo học sinh hệ dự bị và xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học; Quyết định số 02/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình khung đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc ít người; Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình khung đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc ít người (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc ít người; Quyết định số 46/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 23/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình dạy tiếng Khmer cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc; Quyết định số 07/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 23/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc; Quyết định số 29/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 04/7/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình tiếng Chăm dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi; Quyết định số 44/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 23/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức

công tác ở vùng dân tộc miền núi; Quyết định số 36/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi; Quyết định số 37/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình tiếng Jrai dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi; Quyết định số 47/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình dạy tiếng Êđê cấp tiểu học,...

Trong Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi và Quyết định số 72/HĐBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi đã khẳng định vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ và công tác đào tạo cán bộ là người dân tộc ít người. Nghị quyết chỉ đạo cần "Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại chỗ (gồm cả cán bộ người dân tộc ít người và người Kinh)".

Đối với các dân tộc có nhiều khó khăn, Đảng và Chính phủ đã có những chính sách cụ thể như: Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ - me: "Mở trường tạo nguồn đào tạo cán bộ Khơ-me và các dân tộc ít người khác ở Nam bộ,... Quan tâm đào tạo cán bộ Khơ-me tại trường ĐH Cần Thơ"; Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 23/9/1994 của Ban Bí thư về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Mông: "Các trường của các ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, trường Đảng chú ý đào tạo cán bộ dân tộc Mông. Có chính sách thu hút cán bộ miền xuôi, lực lượng vũ trang, cán bộ hưu trí,... tham gia xoá mù chữ và đào tạo cán bộ cho đồng bào dân tộc Mông. Có chính sách đặc biệt về giáo dục và đào tạo đối với người Mông";

Chính phủ cũng đã ban hành nhiều chính sách cụ thể nhằm đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc ít người theo các vùng như: Quyết định số 335/2005/QĐ-TTg ngày 16/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập phân viện Hành chính quốc gia khu vực Tây Nguyên để đào tạo cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn các tỉnh Tây Nguyên; Quyết định số 28/2007/QĐ-TTg ngày 28/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo công chức xã, phường, thị trấn các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc giai đoạn 2007 - 2010; Quyết định số 106/2007/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án một số giải pháp tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ hệ thống chính trị cơ sở vùng Tây Bắc giai đoạn 2007 - 2010;

Quyết định số 34/2006/QĐ-TTg ngày 08/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã, phường, thị trấn người dân tộc ít người giai đoạn 2006 - 2010.

Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng dân tộc cũng ban hành nhiều chính sách, chế độ nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ về công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc ít người: Quyết định số 167/2001/QĐ-UB ngày 23/8/2001 của UBND tỉnh Tây Ninh về quy định tạm thời về chính sách đào tạo thu hút nhân tài; Quyết định số 3468/2001/QĐ-UBND ngày 7/11/2001 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt kế hoạch đào tạo cán bộ văn hoá xã, phường, thị trấn; Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 23/11/2006 của UBND tỉnh Cao Bằng về chính sách đối với cán bộ được cử đi đào tạo; Chỉ thị 04/CT-CTUBND ngày 14/01/2005 của Chủ tịch tỉnh Bình Thuận về đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc đối với cán bộ công chức công tác tại vùng dân tộc và miền núi,...

**Tóm lại:** Phát triển nguồn nhân lực dân tộc ít người phải thực sự trở thành một trong những chính sách trọng tâm của Đảng và Nhà nước, nhằm thúc đẩy nguồn lực con người trở thành nhân tố cơ bản của phát triển bền vững trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đột phá về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc ít người, những năm tới, chắc chắn đời sống của người dân vùng cao vùng sâu vùng đồng bào dân tộc ít người được nâng cao, ý thức cộng đồng quốc gia được củng cố vững chắc hơn sẽ là sự đảm bảo cho tình hình dân tộc và quan hệ dân tộc của Việt Nam thực sự ổn định và phát triển lành mạnh. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1992.
2. Văn kiện Đại hội Đảng toàn tập tập I-VII
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII
4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII
5. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX
6. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X
7. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI
8. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991.
9. Trang tin điện tử Dân tộc và Phát triển của Ủy ban Dân tộc.
10. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

<sup>1</sup> Dự án Điều tra cơ bản về đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số, năm 2008, do TS. Trịnh Quang Cảnh - Trường Cán bộ Dân tộc, Ủy ban Dân tộc chủ trì thực hiện.

<sup>2</sup> Dự án Điều tra cơ bản về đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số,...